

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2022/HS-ST
Ngày: 08 - 7 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Xuân Cảnh.

Các hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Vũ Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụL số 34/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/HSST-QĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, đối với:

- **Các bị cáo:**

1. Nguyễn Thị H - sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ dân phố NT, thị trấn TT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Nguyễn Khắc T và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

2. Thái Thị H1 - sinh năm 1948; nơi cư trú: thôn Thạch Tổ, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Đăng T và bà Lại Thị K (đều đã chết); có chồng là Lê Ngọc K và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1970, con nhỏ nhất sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo được tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Thái Thị H1:** bà Phạm Thị Nhàn - Trợ giúp viên phápL, thuộc Trung tâm Trợ giúp phápL Nhà nước tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi trước bản bào chữa.

- **Các bị hại:**

1. Chị Đinh Thị HL - sinh năm 1990, có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Chị Đỗ Thị TH - sinh năm 1983, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: tổ dân phố Non, thị trấn TT, huyện Tl, tỉnh Hà Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** ông Nguyễn Đình L1 - sinh năm 1947; nơi cư trú: thôn ĐST, xã LT, huyện Tl, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 6 năm 2020, Nguyễn Thị H đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Đinh Thị HL - sinh năm 1990 và chị Đỗ Thị TH - sinh năm 1983, cùng trú tại tổ dân phố Non, thị trấn TT, huyện Tl, tỉnh Hà Nam để sử dụng tiêu xài cá nhân, cụ thể:

1. Vụ thứ nhất: khoảng cuối năm 2019, Nguyễn Thị H quen biết với chị Đinh Thị HL thông qua mối quan hệ từ trước với chị Đỗ Thị TH. Khoảng tháng 01 năm 2020, chị L có nhu cầu vay tiền ngân hàng nên đã nói chuyện với H. Mặc dù H không làm trong hệ thống ngân hàng, không có khả năng vay tiền ngân hàng, nhưng do cần tiền tiêu xài, nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị L. H đưa ra thông tin gian dối là quen biết ông Tuấn làm giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tl, có thể làm hồ sơ vay vốn ngân hàng cho H; sau khi vay được ngân hàng, H sẽ cho chị L vay lại số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu chị L đưa tiền cho H để làm hồ sơ vay tiền. Do tin tưởng H, nên chị L 04 lần đưa tiền cho H với tổng số tiền là 19.000.0000 đồng (cả chị L và H không xác định chính xác ngày), gồm: lần thứ nhất đưa 4.000.000 đồng tại phòng làm việc trong cơ quan của chị L thuộc thôn Mậu Chử, xã TH, huyện Tl, tỉnh Hà Nam; lần thứ hai đưa 5.000.000 đồng tại khu vực trước cổng nhà chị L thuộc tổ dân phố Non, thị trấn TT, huyện Tl, tỉnh Hà Nam; lần thứ ba đưa 7.000.000 đồng tại khu vực chùa NT thuộc tổ dân phố NT, thị trấn TT, huyện Tl, tỉnh Hà Nam; lần thứ tư đưa 3.000.000 đồng tại khu vực trước cửa cây xăng Alibaba thuộc thôn Mậu Chử, xã TH, huyện Tl, tỉnh Hà Nam. Đến khi chị L biết Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tl không có ai tên Tuấn làm giám đốc, thì H tiếp tục đưa ra thông tin gian dối nói đây không phải là ông Tuấn làm ở Ngân hàng Nông nghiệp mà là ông Tuấn làm giám đốc Ngân hàng Sacombank Phủ L, có vợ tên Lan làm cùng ngân hàng và có em trai tên Hùng làm ở ngân hàng Non, là người có khả năng cho chị L vay tiền ngân hàng theo diện hộ nghèo là 650.000.000 đồng; do cần tiền, nên chị L đồng ý. Để chiếm đoạt được tiền, H đã 04 lần viết thư tay giả danh ông Tuấn gửi cho chị L với nội dung yêu cầu chị L phải chuyển cho ông Tuấn qua H một số tiền nhất định làm chi phí vay tiền ngân hàng, cụ thể: lần thứ nhất có nội dung “*Cháu L ơi chú là Tuấn bảo cháu có vay thêm không thì chú làm cho. Thì cháu có chạy thêm mười triệu nữa thì cháu vay được (năm chẵn triệu chẵn) cháu có vay không thì gọi co H nhé thì để làm cùng để lấy cả thẻ nhé...*”; lần thứ hai có nội

dung “Cháu ơi chỉ vì chứng minh o khip lên làm cháu bị nỡ hện cháu yên tâm sang tuần sáng thứ 3 cháu lấy được nhé...cháu chạy ngay 5 triệu để thứ 3 cháu đi lấy...”; lần thứ ba có nội dung “Cháu chạy 3 triệu nhé để đưa cô H về nộp vào nhé phải nộp ngay trong ngày hôm nay để có chiều mai lấy tiền...”; lần thứ tư với nội dung ông Tuấn yêu cầu chị L đưa cho H 15.000.000 đồng để lo làm thủ tục ngân hàng, do giấy viết tay này chị L đã làm mất nên không nhớ nội chi tiết. Do tin tưởng, nên chị L đã 04 lần đưa tiền cho H theo nội dung thư tay của ông Tuấn với tổng số tiền là 33.000.000 đồng, cụ thể: lần thứ nhất vào sáng ngày 15/02/2020, đưa 15.000.000 đồng tại khu vực Dốc Bói, xã Thanh Phong; lần thứ hai vào sáng ngày 14/02/2020, đưa 10.000.000 đồng tại khu vực cổng chùa NT thuộc thị trấn TT; lần thứ ba vào sáng ngày 18/02/2020, đưa 5.000.000 đồng tại đèn giao thông ngã tư xã TH; lần thứ tư vào sáng ngày 24/02/2020, đưa 3.000.000 đồng tại đoạn đường thuộc tổ dân phố Khóm, thị trấn TT. Ngoài ra, H sử dụng số thuê bao “0862440812” nhắn tin vào các số thuê bao “0911476812”, “0969392367” của chị L giả danh bà Lan (vợ ông Tuấn) yêu cầu chị L phải đưa tiền cho H để làm hồ sơ vay tiền ngân hàng. Do tin tưởng, nên chị L đã nhiều lần chuyển tiền cho H, cụ thể: khoảng 06 giờ 15 phút ngày 21/01/2020, đưa 3.000.000 đồng tại khu vực cổng nhà H; khoảng 09 giờ 54 phút ngày 03/02/2020, đưa 15.000.000 đồng tại khu vực cổng cơ quan chị L; khoảng 09 giờ 44 phút ngày 12/02/2020, đưa 10.000.000 đồng trước cửa cơ quan chị L; khoảng 09 giờ 54 phút ngày 15/02/2020, đưa 2.000.000 đồng tại khu vực đèn giao thông ngã tư TH thuộc thôn Dương Xá, xã TH; khoảng 18 giờ 43 phút ngày 19/02/2020, đưa 7.000.000 đồng tại khu vực gần nhà H; khoảng 13 giờ 52 phút ngày 20/02/2020, đưa 3.000.000 đồng tại khu vực gần nhà H; khoảng 07 giờ 26 phút ngày 21/02/2020, đưa 5.000.000 đồng tại khu vực gần nhà H; khoảng 16 giờ 18 phút ngày 26/02/2020, đưa 7.000.000 đồng tại khu vực gần nhà H. Tổng số tiền H đã chiếm đoạt của chị L là 104.000.000 đồng, sau đó tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra, chị Đinh Thị HL xác định, ngoài số tiền 104.000.000 đồng trên, chị L còn đưa thêm cho H 34.000.000 đồng để làm hồ sơ vay tiền ngân hàng, cụ thể: 02 lần đưa mỗi lần 10.000.000 đồng; 02 lần đưa mỗi lần 5.000.000 đồng; 01 lần đưa 3.000.000 đồng và 01 lần đưa 1.000.000 đồng (các lần này đều đưa ở khu vực trước cửa cơ quan chị L); tổng cộng chị L đã đưa tiền cho H là 138.000.000 đồng.

2. Vụ thứ hai: do có quan hệ quen biết từ trước với chị Đỗ Thị TH và biết chị TH có nhu cầu vay vốn ngân hàng, nên H đưa ra thông tin gian dối là quen biết ông Tuấn làm Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện TL và bà Lan làm cùng ngân hàng, có thể làm được hồ sơ vay tiền nhanh với lãi suất thấp, số tiền vay 600.000.000 đồng, nhưng phải chi phí một số tiền nhất định. Để tạo lòng tin cho chị TH, trưa ngày 05/6/2020, H đến gặp Thái Thị H1 ở thôn Hòa Ngãi, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam, nhờ H1 giả danh là bà Mai - cán bộ ngân hàng đến nói chuyện với chị TH. Đồng thời, H hứa với H1, nếu lấy được tiền của chị TH sẽ cho H1 vay 50.000.000 đồng không tính lãi suất và sau 05 năm mới phải trả tiền gốc; do đang cần tiền, nên H1 đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở H1 đến nhà chị TH. Tại đây, H giới thiệu H1 với chị TH và

nói đây là bà Mai - cán bộ ngân hàng và bảo chị TH đưa cho số tiền 25.000.000 đồng để làm hồ sơ vay tiền. Do không tin tưởng H1 là cán bộ ngân hàng, nên chị TH không đưa tiền, thì H nói sẽ bảo bà Mai viết giấy biên nhận cho chị TH. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở H1 ra quán nước gần khu vực tổ dân phố Non (cả H và H1 không nhớ chính xác quán nào). H mượn giấy bút của chủ quán nước rồi đưa cho H1 và nói: *“giờ cô viết cho cháu mấy chữ thì mới lấy được tiền, chữ cháu cái TH nó biết rồi”*. Mặc dù biết việc H muốn chiếm đoạt tiền của chị TH, nhưng vì háms lợi nên H1 đồng ý viết thư tay theo nội dung mà H đọc, cụ thể *“Giấy viết ngày lấy tiền tôi là ng thị mai. Ngân hàng đảo hạn tôi có cầm tổng là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn) để làm đảo hạn ngân hàng. họ hẹn đến ngày 9/6/2020 là giải ngân. Lên cô viết mấy chữ để H cầm về cho cháu để làm tin. Nếu thứ 3 không giải ngân bác sẽ hoàn lại số tiền trên”*. Sau đó, một mình H điều khiển xe mô tô, cầm tờ giấy do H1 viết quay lại nhà chị TH, đưa cho chị TH. Chị TH đọc giấy xong, tin tưởng và đưa cho H 25.000.000 đồng. H cầm tiền rồi điều khiển xe mô tô quay lại quán nước đón và chở H1 về nhà; sau đó, H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Quá trình điều tra, chị TH xác định ngoài số tiền 25.000.000 đồng, chị TH còn đưa thêm cho H số tiền 33.700.000 đồng, cụ thể: 01 lần đưa 13.000.000 đồng (tại cây đa Thanh Bình thuộc tổ dân phố Đạt Hưng, thị trấn TT), 01 lần đưa 2.000.000 đồng, 01 lần đưa 7.000.000 đồng và 01 lần đưa 11.700.000 đồng (đều tại nhà chị TH); tổng số tiền chị TH đã đưa cho H là 58.700.000 đồng (trong đó có lần một người đàn ông sử dụng số thuê bao “0979404006” gọi đến cho chị TH, tự xưng tên Tuấn làm Giám đốc ngân hàng và yêu cầu chị TH đưa tiền để làm hồ sơ vay tiền thông qua H, chị TH không biết người này là ai). Quá trình điều tra, H xác định đã nhờ Nguyễn Đình L1 - sinh năm 1947, trú tại thôn ĐST, xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam gọi điện cho chị TH trao đổi với nội dung trên.

Sau khi phát hiện bị Nguyễn Thị H và Thái Thị H1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngày 25/8/2021, chị Đinh Thị HL và chị Đỗ Thị TH đã làm đơn gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện TL yêu cầu giải quyết vụ việc. Cơ quan CSĐT Công an huyện TL đã tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với H và H1 theo quy định của pháp luật.

** Vật chứng thu giữ:*

- Chị Đinh Thị HL tự nguyện giao nộp 05 (năm) tờ giấy có kích thước khác nhau, một mặt có ghi các ký tự, chữ và số tự nhiên, một mặt có chữ ký xác nhận của chị Đinh Thị HL, được ký hiệu M1, M2, M3, M4, M6; 01 phong bì thư đã bị rách, nội dung người nhận ghi “Gửi cháu L”, mặt sau có chữ ký xác nhận của chị Đinh Thị HL, được ký hiệu M5; 01 USB lưu trữ đoạn ghi âm cuộc gọi giữa chị Đinh Thị HL và Nguyễn Thị H, niêm phong ký hiệu U; 02 quyển sổ được đóng bằng tập giấy A4, bên trong chứa các bản phô tô ảnh chụp tin nhắn điện thoại giữa chị Đinh Thị HL với các số thuê bao 0911476812, 0969392367 và 0862440801, được ký hiệu F1 và F2.

- Chị Đỗ Thị TH tự nguyện giao nộp: 04 tờ giấy có kích thước khác nhau, một mặt có ghi các ký tự chữ và các số tự nhiên, mặt còn lại có chữ ký xác nhận của chị Đỗ Thị TH, được ký hiệu từ N1 đến N4.

- Nguyễn Thị H tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5 đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim có số thuê bao lần lượt là “0911476812”, “0969392367”, niêm phong ký hiệu D.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tl không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Tl đã ra quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ viết trong mẫu cần giám định ký hiệu từ M1 đến M5 với mẫu so sánh là chữ viết của Nguyễn Thị H ký hiệu từ A1 đến A6 (khi thực hiện giám định tài liệu từ M1 đến M5 được ký hiệu lại là A1 đến A5, tài liệu từ A1 đến A6 được ký hiệu lại là M1 đến M6), trưng cầu giám định chữ viết trong mẫu cần giám định được ký hiệu N2 và mẫu so sánh là chữ viết của Thái Thị H1 được ký hiệu từ B1 đến B3 (bản tường trình do Thái Thị H1 viết) để xác định có phải do cùng một người viết ra hay không (tài liệu ký hiệu N2 khi thực hiện giám định được ký hiệu lại là A, tài liệu ký hiệu từ B1 đến B3 được ký hiệu lại là M1, M2, M3).

Tại bản Kết luận giám định số 38/PC09-TL ngày 19/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: *“Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ viết của Nguyễn Thị H trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người viết ra”*.

Tại bản Kết luận giám định số 42/PC09-TL ngày 05/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: *“Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Thái Thị H1 trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 và M3 là do cùng một người viết ra”*.

* *Về trách nhiệm dân sự:* quá trình điều tra, chị Đinh Thị HL yêu cầu Nguyễn Thị H phải trả số tiền 138.000.000 đồng đã chiếm đoạt và phải trả trước một nửa số tiền là 69.000.000 đồng, song H có quan điểm chỉ trả số tiền 104.000.000 đồng và sẽ trả hai tháng một lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, cho đến khi trả hết; chị Đỗ Thị TH yêu cầu Nguyễn Thị H trả số tiền 58.700.000 đồng, song H có quan điểm chỉ trả số tiền 25.000.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, cho đến khi trả hết.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSTL ngày 25/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tl đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và truy tố Thái Thị H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

*** *Tại phiên toà:***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tl giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Nguyễn

Thị H và Thái Thị H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 (đối với Nguyễn Thị H), khoản 1 Điều 174, các điểm i, o, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 (đối với Thái Thị H1), Điều 17, Điều 58, Điều 50 của Bộ luật Hình sự - xử phạt Nguyễn Thị H từ 48 đến 54 tháng tù; xử phạt Thái Thị H1 từ 09 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 30 tháng; miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: buộc Nguyễn Thị H phải bồi thường cho chị Đinh Thị HL số tiền 104.000.000 đồng và bồi thường cho chị Đỗ Thị TH số tiền 25.000.000 đồng. Xử lý vật chứng: tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5 đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim có số thuê bao lần lượt là “0911476812”, “0969392367”; lưu trong hồ sơ vụ án 09 tờ giấy có kích thước khác nhau, 01 phong bì thư đã bị rách, 01 chiếc USB và 02 quyển sổ.

- Các bị cáo Nguyễn Thị H, Thái Thị H1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa gửi trước bản bào chữa cho Tòa án, trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Thái Thị H1, như sau: bị cáo có nhân thân tốt, là người cao tuổi, quá trình điều tra và truy tố, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai nhận toàn bộ nội dung vụ án. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hiện chồng bị cáo là tH bình và bị tai biến cần có người chăm sóc hàng ngày; bị cáo là hội viên Hội Cựu thanh niên xung phong. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, o, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt; người bào chữa có đơn xin xét xử vắng mặt và đã gửi trước bản bào chữa cho Tòa án, bị cáo Thái Thị H1 đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa; nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn xét xử vụ án theo quy định tại Điều 291 và Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H và Thái Thị H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như trong nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 6 năm 2020, do có quen biết chị Đinh Thị HL và biết chị L đang có nhu cầu vay tiền ngân hàng, nên Nguyễn Thị H đã đưa ra thông tin gian dối là H có quen biết với ông Tuấn, bà Lan làm trong hệ thống Ngân hàng Sacombank Hà Nam và có thể làm được hồ sơ để vay số tiền 650.000.000 đồng của ngân hàng. Sau đó, H đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối để yêu cầu chị L đưa tiền cho H làm thủ tục hồ sơ vay tiền. Do tin tưởng H, chị L đã nhiều lần đưa tiền cho H với tổng số tiền là 104.000.000 đồng, số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết. Trong tháng 01 năm 2020, do quen biết chị Đỗ Thị TH và biết chị TH đang có nhu cầu vay tiền, nên H tiếp tục đã đưa ra thông tin gian dối là H có quen biết với ông Tuấn trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện TL, có thể làm được hồ sơ cho vay số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất thấp và yêu cầu chị TH đưa tiền để làm hồ sơ nhanh gọn. Sau đó, H đã nhờ Thái Thị H1 đi cùng đến nhà chị TH, tự nhận là Mai - cán bộ ngân hàng để chị TH tin tưởng đưa tiền cho H. Chị TH đã tin tưởng và đưa cho H số tiền 25.000.000 đồng, số tiền này H tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, Nguyễn Thị H chiếm đoạt tài sản của chị Đinh Thị HL có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, Thái Thị H1 cùng với Nguyễn Thị H chiếm đoạt tài sản của chị Đỗ Thị TH có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử kết luận: hành vi của Nguyễn Thị H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, hành vi của Thái Thị H1 đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với vụ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Đinh Thị HL, Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về hành vi của mình. Đối với vụ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Đỗ Thị TH: đây là vụ án có nhiều đối tượng tham gia, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, có tính chất tự phát, nên xác định là đồng phạm giản đơn. Nguyễn Thị H là người khởi xướng, trực tiếp đưa ra thông tin gian dối và chở H1 đến nhà chị TH để chiếm đoạt tiền của chị TH, nên giữ vai trò thứ nhất; Thái Thị H1 là người giúp sức, nên đồng phạm giữ vai trò thứ hai.

[3] Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: các bị cáo đều có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng: Nguyễn Thị H nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, tài sản chiếm đoạt được mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1

Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Thái Thị H1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Thái Thị H1 “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “là người đủ 70 tuổi trở lên”; nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Thái Thị H1 có thời gian trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ và được hưởng chế độ trợ cấp một lần, có chồng là tH binh; nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyễn Thị H phạm tội nhiều lần và chiếm đoạt số tiền lớn; vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung. Thái Thị H1 tuổi đã cao, có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; vì vậy, thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, nhưng cũng phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Hình phạt bổ sung: xét thấy, các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo H1 là người cao tuổi, không còn khả năng lao động; nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: chị Đinh Thị HL yêu cầu Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 138.000.000 đồng, chị Đỗ Thị TH yêu cầu Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 58.700.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, H chỉ thừa nhận đã nhận của chị L tổng là 104.000.000 đồng và nhận của chị TH tổng là 25.000.000 đồng. Ngoài lời khai của chị L và chị TH thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc H nhận của chị L số tiền 138.000.000 đồng và nhận của chị TH số tiền 58.700.000 đồng; nên không có căn cứ để buộc H phải trả số tiền trên. Số tiền Nguyễn Thị H và Thái Thị H1 chiếm đoạt của chị Đỗ Thị TH thì H đã tiêu xài hết, bản thân H1 chưa được hưởng lợi gì. Do vậy, nay buộc Nguyễn Thị H phải bồi thường cho chị Đinh Thị HL số tiền 104.000.000 đồng và bồi thường cho chị Đỗ Thị TH số tiền 25.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5 đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 sim có số thuê là “0911476812” và “0969392367”: quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị H, H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 05 tờ giấy có kích thước khác nhau, 01 phong bì thư đã bị rách và 02 quyển sổ đều có chữ ký xác nhận của chị Đinh Thị HL, 01 USB lưu trữ đoạn ghi âm cuộc gọi giữa chị L và H, 04 tờ giấy có kích thước khác nhau đều có chữ ký xác nhận của chị Đỗ Thị TH: đây là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với nội dung H khai nhờ ông Nguyễn Đình L1 sử dụng số thuê bao “0979.404.006” gọi cho chị Đỗ Thị TH: quá trình điều tra, chị Đỗ Thị TH xác định có người đàn ông sử dụng số thuê bao “0979.404.006” gọi cho chị và tự xưng là Tuấn làm Giám đốc ngân hàng, còn chị không biết cụ thể là ai. Qua xác minh, ông L1 xác định không quen biết với chị Đỗ Thị TH và Nguyễn Thị H, cũng chưa bao giờ được H nhờ gọi điện cho chị TH và tự xưng tên là Tuấn làm Giám đốc ngân hàng. Tiến hành đối chất giữa ông L1 và H, cả hai vẫn giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của H thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh; nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tl tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau khi có đủ căn cứ.

- Đối với xe mô tô Nguyễn Thị H điều khiển chở Thái Thị H1 đến nhà chị Đỗ Thị TH ngày 05/6/2020: quá trình điều tra, H khai mượn chiếc xe mô tô trên của người quen, song do thời gian xảy ra đã lâu, nên H không nhớ mượn xe của ai, đặc điểm chiếc xe như thế nào. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tl không có căn cứ để thu giữ.

[8] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Thị H và Thái Thị H1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyễn Thị H phải bồi thường số tiền 129.000.000 đồng cho các bị hại, nên H phải chịu tiền án phí dân sự đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 (đối với Nguyễn Thị H), khoản 1 Điều 174, các điểm i, o, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 (đối với Thái Thị H1), Điều 17, Điều 58, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị H và Thái Thị H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 48 (bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Thái Thị H109 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/7/2022).

Giao bị cáo Thái Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Tl, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho chị Đinh Thị HL số tiền 104.000.000 đồng (một trăm linh tư triệu đồng) và bồi thường cho chị Đỗ Thị TH số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno5 màu đen, đã cũ, bên trong lắp 02 sim số thuê bao là “0911476812”, “0969392367” (tình trạng vật chứng như trong Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/5/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tl với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tl). Lưu trong hồ sơ vụ án 05 tờ giấy có kích thước khác nhau, 01 phong bì thư đã bị rách, 02 quyển sổ đều có chữ ký xác nhận của chị Đinh Thị HL; 01 USB; 04 tờ giấy có kích thước khác nhau đều có chữ ký xác nhận của chị Đỗ Thị TH.

4. Về án phí: các bị cáo Nguyễn Thị H và Thái Thị H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 6.450.000 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: các bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Tl;
- Công an huyện Tl;
- Chi cục THA DS huyện Tl;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1
quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lại Xuân Cảnh